

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 88 /2022/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí
thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỶ HỌP THỨ 10

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và
lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-
BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền
quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế
độ quản lý, sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên
địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 404/BC-HĐND ngày 12 tháng
12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền thẩm định của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Mức thu phí

- a) Mức thu phí cụ thể theo Phụ lục đính kèm;
- b) Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất nêu tại điểm a, khoản này.

3. Cơ quan thu phí

- a) Đối với các dự án đầu tư nằm trong Khu Công nghệ cao Đà Nẵng, Khu Công nghệ thông tin tập trung, các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Cơ quan thu phí là Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng.
- b) Đối với các dự án đầu tư không thuộc điểm a khoản này: Cơ quan thu phí là Chi cục Bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng.

4. Chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí

a) Chế độ thu, nộp

Thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Chế độ quản lý và sử dụng

Cơ quan thu phí được để lại 70% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ công tác thẩm định và thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Số còn lại 30% nộp vào ngân sách thành phố theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này đạt kết quả tốt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. /*gmu*

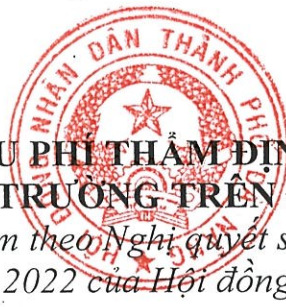
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Vụ Pháp chế: Bộ TN&MT; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Lương Nguyễn Minh Triết



Phụ lục
MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 88/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Đvt: Triệu đồng

TT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
1	Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
2	Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
3	Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ các dự án giao thông)	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
4	Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
5	Nhóm 5. Dự án Giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
6	Nhóm 6. Dự án Công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
7	Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 nêu trên)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6